

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thúy Kiên

2. Bà Thái Ánh Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1980

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Văn Tr**, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2020 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Do quen biết, bà và ông Tr được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn năm tại UBND xã Tân Lộc, huyện Thốt Nốt vào ngày 04/11/2004 (nay là UBND phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng khoảng hai năm nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do cự cãi và quan điểm sống, hai bên không có tiếng nói chung do ông Tr thường xuyên kiểm chuyện ghen tuông với bà. Mâu thuẫn ngày trầm trọng và không thể hàn gắn nên đã sống ly thân từ khoảng hai năm nay. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr.

Về con chung: bà khai có 02 con chung tên Trần Hải B (nam), sinh ngày 14/8/2001 và Trần Hải D, sinh ngày 12/6/2003 (nam) đang sống với bà, khi ly hôn bà có nguyện vọng muốn tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Trần Hải B đã trưởng thành nên không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Tr trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2020 như sau: Ông và bà T tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn năm tại UBND xã Tân Lộc, huyện Thốt Nốt vào ngày 04/11/2004 (nay là UBND phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ). Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông nhậu nhẹt say xỉn và thường kiểm chuyện ghen tuông vô cớ đối với bà T. Nay qua yêu cầu ly hôn của bà T ông không đồng ý vì còn thương vợ con mong muốn được đoàn tụ.

Về con chung: ông bà có 02 con chung tên Trần Hải B (nam), sinh ngày 14/8/2001 và Trần Hải D, sinh ngày 12/6/2003 (nam) đang sống với bà T, nếu ly hôn ông nhường quyền nuôi dưỡng con chung Hải D cho bà T nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung là cháu Trần Hải B đã trưởng thành nên không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: ông khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với ông Tr; về con chung bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung là cháu Trần Hải B đã trưởng thành nên không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn có đơn yêu cầu xin được xét xử vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; đối với thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự như nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa, ông Tr tuy vắng mặt nhưng có thừa nhận tại biên bản ghi lời khai về nguyên nhân mâu thuẫn, ông không đồng ý ly hôn nhưng ông không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung giao cháu

Trần Hải D, sinh ngày 12/6/2003 (nam) có nguyện vọng sống với mẹ nên thống nhất giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Riêng con chung Trần Hải B đã trưởng thành nên không đặt vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: ông bà xác định không có nên không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Phan Thị T và ông Trần Văn Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2004 theo quy định pháp luật. Nay ông bà phát sinh mâu thuẫn tình cảm vợ chồng nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Tr đây là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có địa chỉ tại quận Thốt Nốt nên Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt căn cứ điều 28, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Bị đơn có làm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử thấy rằng, bà T và ông Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi do ông Tr lạm dụng rượu bia say xỉn, ghen tuông đối với bà T, điều này đã được hai bên thừa nhận, ông bà cũng đã có thời gian sống ly thân khoảng hai năm. Nay bà T xác định cũng không còn tình cảm với ông Tr. Tại biên bản ghi lời khai, ông Tr không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con mong muốn đoàn tụ, tuy nhiên ông không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không tham gia hòa giải, giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án cho thấy ông Tr không có thiện chí hàn gắn, do vậy nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc do mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Cháu Trần Hải D, sinh ngày 12/6/2003 (nam) có nguyện vọng sống với mẹ và đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tr cũng có ý kiến nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đồng ý để cháu D cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông Tr không cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, giao cháu Trần Hải D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Trần Hải B (nam), sinh ngày 14/8/2001 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147, điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Trần Văn Tr.

Về con chung: Giao cháu Trần Hải D (nam), sinh ngày 12/6/2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Tr không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Riêng cháu Trần Hải B đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 012036 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Chi cục THADS quận Thốt Nốt;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Diệp Hoàng Giang

